

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2022/HC-PT
Ngày 04 - 10 - 2022
*V/v: Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thi Mai.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 54/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2021/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8967/2022/QĐ-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1982, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của anh A: Ông Hoàng Văn A1, sinh năm 1952, có mặt;

Đều trú tại: Khu B2, thị trấn B1, huyện B, Thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đào Nguyên A2, ông Nguyễn Ngọc A3, Luật sư Văn phòng Luật sư A2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, đều vắng mặt và ông A1 từ chối người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp.

* *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch và UBND huyện B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thị trấn B1, huyện B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C2, chức vụ Chủ tịch UBND;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND và ông Bùi Bá C4, chức vụ: Công chức địa chính (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2020), đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị A4, sinh năm 1982, vắng mặt;

3. Cháu Hoàng Văn A5, sinh năm 2009, vắng mặt;

4. Cháu Hoàng Thùy A6, sinh năm 2011, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của chị A4: Ông Hoàng Văn A1;

Đều trú tại: Khu B2, thị trấn B1, huyện B, Thành phố Hà Nội

** Người kháng cáo:* Anh Hoàng Văn A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/8/2019 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4772/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4772) về việc thu hồi 45,9m² của gia đình anh A, đồng thời cùng ngày 02/8/2019 UBND huyện B ban hành Quyết định số 4744/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4744) phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ anh Hoàng Văn A. Căn cứ phương án chi tiết thì gia đình anh A được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 512.688.060đ; diện tích đất còn lại sau thu hồi nhỏ hơn 30m² nhưng không được bố trí tái định cư. Việc xác định bồi thường diện tích đất và tài sản trên đất của UBND huyện B là không đúng theo quy định pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình anh.

Không đồng ý với các quyết định trên, anh A đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện B và được Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 7427/QĐ/UBND ngày 21/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần

1 nhưng đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của anh A; anh A tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội và được Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1924/QĐ/UBND ngày 12/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với anh, nhưng cũng không chấp nhận nội dung khiếu nại.

Không đồng ý với Quyết định số 4772 và Quyết định số 4744, nên anh Hoàng Văn A đã khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 4772; Quyết định số 4744 của UBND huyện B. Xác định lại nguồn gốc đất bị thu hồi và có phương án bồi thường đền bù diện tích đất bị thu hồi, tài sản trên đất đúng quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2020 anh Hoàng Văn A bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị hủy Quyết định số 7427/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện B; Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội.

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1993 UBND xã B3 đã tiến hành xây dựng ki ốt và bán 01 ki ốt có diện tích 73,2m², khi đó theo thiết kế xây dựng diện tích là 21,66m²; 15m² được hợp thức sau, bàn giao thực tế là 58,2 m² cho anh với số tiền 33.682.000đồng, gia đình anh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp vào ngân sách Nhà nước. Từ năm 1993 đến nay gia đình anh đã sinh sống ổn định, không có sự tranh chấp nào, được UBND xã B3 nay là thị trấn B1, Phòng Địa chính huyện B xác nhận đất ở, ổn định và không có tranh chấp. Sau đó do nhu cầu về nhà ở nên gia đình anh đã xây dựng thêm tầng 2 và các công trình khác để phục vụ sinh hoạt, cuộc sống gia đình; nhưng khi thu hồi và bồi thường, UBND huyện B đã xác định không đúng đối với diện tích đất và tài sản trên đất dẫn đến bồi thường không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình anh, nên anh khởi kiện yêu cầu các nội dung trên.

** Người bị kiện là UBND và Chủ tịch huyện B trình bày:*

Ngày 21/12/1992, UBND tỉnh Hà Tây có quyết định số 563/QĐ/UB về việc giao 6000 m² đất cho UBND huyện B để xây dựng khu trung tâm dịch vụ thương nghiệp xã B3 (nay xã B3 đã sáp nhập vào thị trấn B1). Tháng 6 năm 1993, Xưởng xây dựng thuộc Sở Xây dựng Hà Tây lập Luận chứng kinh tế kỹ thuật chợ B3, huyện B trong đó có hạng mục xây dựng các Ki ốt giáp đường quốc lộ 6 để giao thầu hoặc cho các hộ thuê dài hạn từ 1 đến 20 năm để kinh doanh và phần phía trong xây dựng cầu chợ, các hạng mục khác.

Sau khi luận chứng kinh tế kỹ thuật được UBND huyện phê duyệt, UBND xã B3 đã tiến hành xây dựng dãy Ki ốt giáp đường Quốc lộ 6 gồm 31 gian với diện tích 672 m² (29 gian được xây dựng theo Luận chứng kinh tế và 02 gian xây

dựng ngoài Luận chứng kinh tế) bán cho các hộ năm 1994, các hộ đã nộp tiền. Tuy nhiên, trong biên lai thu tiền không ghi rõ loại đất, thời hạn sử dụng đất; thực tế chợ B3 có quy hoạch nhưng không thành, các hộ sau khi mua Ki ốt đã trực tiếp sinh sống, ăn ở, kinh doanh và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay.

Vị trí, nguồn gốc quá trình sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn A sử dụng đất tại thửa số 32, tờ bản đồ số 06 (bản đồ hiện trạng phục vụ giải phóng mặt bằng dự án), tổng diện tích đang sử dụng là 73,2m², trong đó: Diện tích thu hồi 45,9m²; diện tích còn lại: 27,3m². Đối với diện tích 45,9m² thu hồi gồm:

- UBND xã B3 xây dựng ki ốt tháng 8/1993 với diện tích 21,66m², đến năm 1994 bán cho ông Nguyễn Đình A7 với số tiền 33.682.000đ, đã nộp đủ tiền vào ngân sách xã 67.364.000đ (bao gồm cả 02 thửa mang tên Hoàng Văn A và Hoàng Văn A1), các phiếu thu gồm (phiếu thu số 130 ngày 12/4/1993, số tiền 12.000.000đ người nộp là ông A7; 03 phiếu nộp tiền mang tên ông A1 (là bố ông A) gồm phiếu thu số 276 ngày 29/11/1993, số tiền là 30.000.000đ, phiếu thu số 133 ngày 14/4/1993, số tiền 12.000.000đ, phiếu thu số 02 ngày 05/01/1994, số tiền là 13.364.000đ). Năm 1994 ông A7 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn A1 không có giấy tờ, đến năm 2006 ông A1 cho tặng con trai là Hoàng Văn A không có xác nhận của địa phương.

- Trong quá trình sử dụng năm 1994 gia đình ông A1 tự sử dụng 13,6m² đất hành lang đường quốc lộ 6, phía trước đất Ki ốt.

- Trong quá trình sử dụng năm 1994 gia đình ông A1 tự sử dụng 10,64m² phía sau dãy ki ốt.

- Diện tích còn lại ngoài phạm vi GPMB 27,3m² thuộc đất xây dựng chợ B3, hộ tự sử dụng năm 1994.

Trong quá trình sử dụng hộ tự xây dựng thêm tầng 2 và xây dựng công trình lấn ra hành lang quốc lộ 6 và phía sau đất Ki ốt.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- *Về diện tích đất thu hồi:* Diện tích 21,66m² được UBND xã bán Ki ốt, nằm trong phạm vi lưu không đường Quốc lộ 6, thực hiện Thông báo số 113/TB-VP ngày 19/4/2019 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Quốc Hùng về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với 24 hộ sử dụng 31 gian ki ốt khu B2, thị trấn B1, giá đất ki ốt được hỗ trợ theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 96/QĐ-UBND năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội với giá vị trí 1 là 6.840.000đ/m².

- Diện tích 13,6m² hộ tự sử dụng đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 năm 1994, phía trước đất ki ốt - Không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật đất đai.

- Diện tích 10,64m² hộ tự sử dụng đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 năm 1994, phía sau đất ki ốt, UBND xã không xử lý thu tiền sử dụng đất - không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật đất đai.

Về tài sản, vật kiến trúc:

- Đối với tài sản là nhà tầng 1 do UBND xã B3 xây dựng trên diện tích ki ốt đã bán cho hộ, hỗ trợ bằng 100% đơn giá xây dựng mới theo quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Đối với tài sản nằm trong chỉ giới 20m và nằm sau ki ốt hộ tự ý xây dựng từ năm 1994 không có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới theo quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Tài sản bị cắt xén là nhà 2 tầng, bị cắt hết cầu thang, tính bồi thường, hỗ trợ đến khung chịu lực gần nhất, phần còn lại là nhà bán mái vẫn đảm bảo khả năng chịu lực. Ngoài ra còn được hỗ trợ hoàn trả mặt tiền nhà bằng chiều rộng mặt tiền nhà trước khi cắt xén nhân với chiều sâu bằng 1m nhân với số tầng nhà bị cắt xén theo quy định tại điểm b, d, Điều 12, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội.

Về chính sách hỗ trợ: Hộ bị thu hồi đất dịch vụ, trực tiếp ăn ở tại nơi thu hồi đất, bị phá dỡ một phần tài sản, phải di chuyển chỗ ở, hộ được các khoản hỗ trợ sau:

- Thương tiến độ bàn giao mặt bằng đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 24, QĐ 10/2017/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội, mức hỗ trợ 1.000.000đ/chủ sử dụng nhà, đất đối với trường hợp phá dỡ một phần nhà ở, di chuyển bàn giao mặt bằng đúng ngày quy định.

- Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1, Điều 24, QĐ 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội, mức hỗ trợ bằng tiền chi một nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất/tháng tương đương 30kg gạo theo giá do Sở tài chính công bố hàng năm (15.200đ/kg), thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

Tái định cư: Hộ có chỗ ở khác - Không xem xét, giải quyết chính sách tái định cư theo Thông báo số 113/TB-VP ngày 19/4/2019 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội.

Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB hộ ông A được nhận là: 512.688.060 đồng. Do đó UBND huyện B đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4772/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4744/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 đối với ông Hoàng Văn A. Tuy nhiên, ông A không đồng ý với các quyết định nêu trên, nên đã khiếu nại; ngày 21/11/2019 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 7427/QĐ-UBND về việc

giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hoàng Văn A. Theo quyết định giải quyết khiếu nại thì giữ nguyên 02 quyết định nêu trên. Ngày 12/5/2020 Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1924/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Hoàng Văn A. Theo quyết định giải quyết khiếu nại thì giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 06/01/2020 hộ ông Hoàng Văn A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB 512.688.060 đồng theo phương án đã phê duyệt.

UBND huyện B khẳng định việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 4772; Quyết định số 4744 của UBND huyện B; Quyết định số 7427 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng với trình tự quy định Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/ 3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông A.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội trình bày:*

Việc giải quyết khiếu nại đối với anh Hoàng Văn A đã được Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 12/5/2020. Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của Hoàng Văn A, Chủ tịch UBND Thành phố quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn B1 trình bày:*

Cơ bản nhất trí ý kiến như UBND huyện B trình bày. Về nguồn gốc đất do gia đình anh Hoàng Văn A sử dụng đất tại khu B2 nay tổ dân phố B2, thị trấn B1 thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 06 Bản đồ hiện trạng (phục vụ GPMB) dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang quốc lộ 6 (đoạn km 19+920 đến km 22+220) qua địa phận thị trấn B1, huyện B, Thành phố Hà Nội. Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2012. Tổng diện tích thửa đất đang sử dụng: 73,2m². Trong đó: Diện tích đất bị thu hồi 45,9m². Diện tích đất sử dụng còn lại: 27,3m². Năm 1994 UBND xã B3 bán cho ông Nguyễn Đình A7 với số tiền 33.682.000đ, đã nộp đủ tiền vào ngân sách xã 67.364. Năm 1994 ông A7 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn A1 không có giấy tờ, đến năm 2006 ông A1 cho tặng con trai là Hoàng Văn A không có xác nhận của địa phương.

UBND thị trấn B1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, giữ nguyên các Quyết định hành chính nêu trên.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị A4 trình bày:* Thống nhất với nội dung người khởi kiện đã trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh A.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2021/HC-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69; Điều 74; Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn A về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 4772/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 UBND huyện B về việc thu hồi 45,9 m² do gia đình anh Hoàng Văn A sử dụng đất để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6.

- Quyết định số 4744/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình anh Hoàng Văn A.

- Quyết định số 4727/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu)

- Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 15/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

- Bác yêu cầu UBND huyện B điều chỉnh, xác định lại nguồn gốc diện tích 45,9 m² đất bị thu hồi là đất ở lâu dài và xác định lại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất, tài sản gắn liền với đất, các khoản bồi thường hỗ trợ khác khi bị thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2021 người khởi kiện là anh Hoàng Văn A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của anh để hủy các quyết định hành chính của UBND, Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND Thành phố Hà nội liên quan đến thu hồi đất của gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của anh A.

Người đại diện cho anh A trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, áp dụng sai căn cứ pháp luật dẫn đến làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Cụ thể: Nguồn gốc đất của anh A là mua của chính

quyền từ trước tháng 10/1993 và sử dụng ổn định cho đến khi bị thu hồi, nhưng quyết định thu hồi chỉ thể hiện là hỗ trợ tiền đất là không đúng; đền bù thiếu diện tích đất cho gia đình so với diện tích thực tế; tài sản đền bù thiếu diện tích, không đền bù giá trị tầng 2 là sai. Bởi vì, theo thiết kế thì ki ốt xây dựng hai tầng nhưng chính quyền chỉ xây một tầng, còn người dân xây một tầng; diện tích sau khi bị thu hồi chỉ còn lại hơn 20m² nhưng không được tái định cư để đảm bảo cuộc sống. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của anh A, hủy các quyết định nêu trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của anh A là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của anh Hoàng Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 4772/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện B về việc thu hồi 45,9m² của gia đình anh A; Quyết định số 4744/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 UBND huyện B ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Quyết định số 7427/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện B; Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. Đây là những Quyết định hành chính cá biệt của UBND và Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 15/2/2020 Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội ban hành quyết định hành chính, đến ngày 06/5/2020 anh Hoàng Văn A có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân

Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Mặc dù khi khởi kiện, người khởi kiện chỉ khởi kiện Quyết định số 4772 và Quyết định số 4744, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị xem xét thêm các Quyết định số 7427 và Quyết định số 1924, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hầu hết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn A thấy:*

[3]. Xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định số 4772 và Quyết định số 4744, thấy:

[3.1] Về nội dung: Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 đoạn đi qua thị trấn B1, thì thửa đất hộ gia đình anh Hoàng Văn A đang sử dụng có tổng diện tích 73,20m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ 06. Căn cứ hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thể hiện diện tích đất nằm trong thửa đất của anh A bị ảnh hưởng bởi dự án là 45,9m², diện tích đất còn lại 27,30m². Về hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện, nguồn gốc đất do UBND xã B3 quản lý, tháng 8/1993 sau khi được UBND huyện B phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật chợ B3, UBND xã B3 đã tiến hành xây dựng các ki ốt giáp đường Quốc lộ 6 để bán cho các hộ kinh doanh. Năm 1994 UBND xã đã bán ki ốt có diện tích 21,66m² cho ông Nguyễn Đình A7 với số tiền là 33.682.000 đồng, số tiền này đã được giao vào ngân sách có các phiếu thu. Sau khi mua của UBND xã, cùng trong năm 1994 ông Nguyễn Đình A7 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn A1 (là bố anh A) nhưng không có giấy tờ, đến năm 2006 ông Hoàng Văn A1 tặng cho con trai là anh Hoàng Văn A. Như vậy, mặc dù không có tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng, nhưng theo tài liệu mua bán giữa UBND xã B3 với ông Nguyễn Đình A7 thì diện tích chỉ là 21,66m². Quá trình sử dụng gia đình ông A1, anh A đã lấn chiếm 13,6 m² đất hành lang đường Quốc lộ 6 phía trước của ki ốt và lấn chiếm 10,64 m² phía sau ki ốt (thuộc đất xây dựng chợ B3) để sử dụng, đã xây dựng thêm tầng 2 và xây dựng công trình lấn ra hành lang Quốc lộ 6 và phía sau đất ki ốt diện tích còn lại ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng là 27,3 m². Theo Nghị định số 203/HĐBT về quy định hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ là 20 m (tính từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên). Theo Quyết định 237/QĐ-UB quy định mặt cắt ngang đường Quốc lộ 6 từ

Ba La đến Xuân Mai đoạn không qua thị trấn, thị tứ là 56m. Như vậy, từ năm 1982 Nhà nước đã có quy định về hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ, (đường Quốc lộ là 20m) năm 1993 UBND tỉnh Hà Tây quy định chỉ giới hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 (đoạn không qua thị trấn thị tứ) tính từ tim đường là 28m. Do đó, diện tích nằm ngoài diện tích ki ốt do UBND xã B3 bán cho ông Nguyễn Đình A7 là diện tích hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 do lấn chiếm trong quá trình sử dụng. Việc này đã được thể hiện tại Kết luận của Thanh tra thành phố số 1986/KL-TTTP-P2 ngày 17/4/2018 đối với dự án khu chợ B2 có dãy ki ốt của xã B3 thể hiện: “.... UBND huyện B là đơn vị được UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) giao đất để xây dựng khu trung tâm dịch vụ thương nghiệp xã B3, nhưng UBND huyện B đã không sử dụng đúng mục đích được giao là vi phạm Điều 5 Luật đất đai năm 1987, để UBND xã B3 xây dựng Luân chứng kinh tế, kỹ thuật Trung tâm dịch vụ thương nghiệp xã B3 (chợ B3) và đã phê duyệt Luân chứng này là vi phạm khoản 2 Điều 11 Nghị định số 385/HĐBT ngày 07/11/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về thẩm quyền phê duyệt Luân chứng kinh tế; Đồng ý cho UBND xã B3 xây dựng Trung tâm dịch vụ thương nghiệp xã B3 theo chỉ giới cách tim đường Quốc lộ 6A là 20m là trái với quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về hành lang bảo vệ các công trình đường bộ. UBND xã B3 đã xây dựng 29 ki ốt trên diện tích đất lưu không Quốc lộ 6A là trái với quy định tại Điều 8 Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Điều 2 Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 21/12/1992 của UBND tỉnh Hà Tây..”

Khi thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6 UBND thành phố đã xác định diện tích đất bị thu hồi gia đình anh A đang sử dụng nằm trong chỉ giới là 45,9m² diện tích còn lại ngoài chỉ giới là 27,3m².

Theo quy định tại khoản 1 Điều 75; Điều 82 Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất và trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Vậy đối chiếu với quy định của pháp luật thì 45,9m² đất gia đình anh A sử dụng bị thu hồi là đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất ở.

Tuy nhiên khi thực hiện dự án UBND huyện B đã xin ý kiến UBND thành phố đồng ý cho chủ trương, chính sách đối với diện tích 21,66m² gian ki ốt mà gia đình anh A đã sử dụng lập phương án hỗ trợ về đất theo quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 là đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện. Đối với phần diện tích đã lấn chiếm không được bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình anh A là có cơ sở.

[3.2] Về trình tự và thẩm quyền ban hành các quyết định, thấy: Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 6 (đoạn đi qua thị trấn B1) UBND huyện B đã thành lập hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật; tiến hành thông báo việc thu hồi đất, tổ chức khảo sát, kiểm đếm tài sản

trên đất, lập phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường theo đúng quy định của pháp luật; sau khi thực hiện đầy đủ các bước về thu hồi đất; UBND huyện B đã ban hành quyết định thu hồi đất, đồng thời ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình anh Hoàng Văn A, sau khi nhận được các quyết định, gia đình anh A đã thực hiện việc nhận tiền theo đúng quy định. Như vậy, việc ban hành các quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện B là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 2 Điều 69 Luật đất đai.

[4] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4727/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của anh A (lần đầu), thấy: Không đồng ý với quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, anh Hoàng Văn A đã có đơn khiếu nại; Chủ tịch UBND huyện B đã thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại như đã phân tích ở trên thì thấy việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 4772 về thu hồi đất và Quyết định số 4744 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật, nên khiếu nại của anh A không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 4727 để giải quyết khiếu nại của anh A, đã không chấp nhận khiếu nại của anh A là đúng quy định tại Điều 17, 18 Luật Khiếu nại 2011; Điều 74, 83 Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[5] Đối với Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 15/2/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội: Không đồng ý với Quyết định số 4727 của Chủ tịch UBND huyện B, anh Hoàng Văn A tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội đã thụ lý đơn, giao cho các cơ quan chuyên môn tiến hành xác minh nội dung khiếu nại; ngày 13/3/2020 Thanh tra Thành phố Hà Nội có báo cáo số 1002/BC-TTTP-P2, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về kết quả xác minh; trên cơ sở báo cáo xác minh và kiến nghị của Thanh tra Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1924 về giải quyết đơn khiếu nại của anh A. Theo đó, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại, giữ nguyên các quyết định hành chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện anh Hoàng Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 146/2021/HC-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn A phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh A đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000246, ngày 23/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, xác nhận anh A đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

\